

Số: 3030/QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp đối với hệ đại học chính quy
đợt tháng 10 năm 2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 10/5/2022 về ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh”; Quyết định số 1575/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH ngày 4/10/2019;

Xét kết quả học tập và đơn xin xét công nhận tốt nghiệp của sinh viên đợt tháng 10 năm 2023;

Căn cứ Biên bản số 1489/BB-ĐHNH ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng xét tốt nghiệp tháng 10 năm 2023;

Căn cứ Tờ trình số 322/TTr-ĐHNH-PĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 264 sinh viên hệ đại học chính quy đợt tháng 10 năm 2023 như sau:

STT	HỆ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Đại học chính quy	263	
2	Đại học chính quy ngành 2 (song bằng)	01	
TỔNG		264	

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các sinh viên có tên ở Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn Phòng, Trường Phòng Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT.HĐT, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Phòng TVTS & PTTH (để đăng tin);
- Lưu VP, PĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đức Trung



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT THÁNG 10 NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **3030** /QĐ-ĐHNH, ngày **30** tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
1	030631151034	Lưu Hồ Xuân Thanh	15/12/1997	Nữ	DH31KQ02	7.41	2.96	130	Kinh tế quốc tế	Khá	
2	030731150031	Nguyễn Ngọc Yến	25/11/1997	Nữ	DH31LK01	6.70	2.68	129	Luật kinh tế	Khá	
3	030632160214	Nguyễn Ngọc Bảo Chinh	07/05/1998	Nam	DH32TM01	6.15	2.46	129	Hệ thống thông tin quản lý	Trung bình	
4	030632161552	Nguyễn Phúc Nhân	02/09/1998	Nam	DH32TM01	6.33	2.53	129	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
5	030632161018	Huỳnh Mộng Kiều	28/10/1998	Nữ	DH32KQ01	7.09	2.84	129	Kinh tế quốc tế	Khá	
6	030632162188	Phạm Thị Thảo	20/04/1998	Nữ	DH32KQ01	6.46	2.58	129	Kinh tế quốc tế	Khá	
7	030632161722	Trần Thị Hoài Ni	01/01/1998	Nữ	DH32KQ03	8.05	3.22	129	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
8	030432160234	Nguyễn Thị Út	05/05/1998	Nữ	DH32AV02	6.29	2.52	146	Ngôn ngữ Anh	Khá	
9	030632161560	Lê Duy Nhật	01/09/1998	Nam	DH32NH03	6.31	2.53	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
10	030632163323	Trần Thị Cẩm Tiên	12/07/1998	Nữ	DH32TC05	6.82	2.73	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
11	030633171248	Nguyễn Thị Thùy Trang	07/01/1999	Nữ	DH33KT04	6.42	2.57	129	Kế toán	Khá	
12	030733170106	Quách Toàn Thắng	27/02/1999	Nam	DH33LK01	7.21	2.88	129	Luật kinh tế	Khá	
13	030633171108	Nguyễn Thị Quế Hương	15/12/1999	Nữ	DH33QT01	7.60	3.04	129	Quản trị kinh doanh	Khá	
14	030633170797	Trần Thị Yến	19/06/1999	Nữ	DH33QT02	7.03	2.81	129	Quản trị kinh doanh	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
15	030633171471	Nguyễn Lê Hoàng Anh	17/04/1999	Nam	DH33QT03	6.74	2.69	129	Quản trị kinh doanh	Khá	
16	030633171206	Nguyễn Thị Huyền Nga	28/08/1999	Nữ	DH33QT03	7.03	2.81	129	Quản trị kinh doanh	Khá	
17	030633171627	Trần Thị Mai Thi	21/09/1999	Nữ	DH33QT03	7.50	3.00	129	Quản trị kinh doanh	Khá	
18	030633170430	Nguyễn Ngọc Tín	11/10/1999	Nam	DH33NH02	6.33	2.53	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
19	030633170986	Phạm Ngọc Ánh	03/10/1999	Nam	DH33NH03	6.27	2.51	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
20	030633170838	Trần Trung Huy	25/06/1999	Nam	DH33NH04	7.15	2.86	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
21	030633171244	Nguyễn Thị Tường Vy	05/10/1999	Nữ	DH33NH04	6.75	2.70	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
22	030633171666	Hoàng Đức Nhân	07/12/1999	Nam	DH33NH05	6.37	2.55	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
23	030633170097	Văn Đức Hoài Bảo	17/09/1999	Nam	DH33TC01	7.21	2.88	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
24	030633170235	Vũ Ngọc Ánh	15/06/1999	Nữ	DH33TC02	7.45	2.98	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
25	030633170502	Trần Thị Kiều Mộng Hường	19/10/1999	Nữ	DH33TC02	7.07	2.83	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
26	030234180030	Lê Thị Hồng Hà	10/01/1999	Nữ	DH34DN01	7.08	2.83	129	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
27	030234180046	Lê Hoàng Huy	16/12/2000	Nam	DH34DN01	8.27	3.31	129	Hệ thống thông tin quản lý	Giỏi	
28	030234180121	Phạm Đình Tuấn	20/03/2000	Nam	DH34DN01	7.99	3.20	129	Hệ thống thông tin quản lý	Giỏi	
29	030234180036	Hồ Trúc Hân	01/01/2000	Nữ	DH34TM01	7.78	3.11	129	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
30	030234180087	Nguyễn Trần Tiến Nghĩa	15/02/2000	Nam	DH34TM01	7.88	3.15	129	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
31	030234180138	Trần Thị Huyền Trang	08/02/2000	Nữ	DH34TM01	7.73	3.09	129	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
32	030534180048	Nguyễn Thị Ngọc Hân	11/05/2000	Nữ	DH34KT01	7.59	3.04	129	Kế toán	Khá	
33	030534180045	Nguyễn Minh Hằng	23/09/2000	Nữ	DH34KT01	7.56	3.02	129	Kế toán	Khá	
34	030834180088	Lữ Duy Huy	02/12/2000	Nam	DH34KQ02	7.23	2.89	129	Kinh tế quốc tế	Khá	
35	030834180091	Phan Thị Thanh Huyền	19/08/2000	Nữ	DH34KQ02	7.36	2.94	129	Kinh tế quốc tế	Khá	
36	030834180163	Nguyễn Hữu Nhân	15/02/2000	Nam	DH34KQ03	7.17	2.87	129	Kinh tế quốc tế	Khá	
37	030834180249	Nguyễn Ngọc Hà Thy	23/11/2000	Nữ	DH34KQ05	7.67	3.07	129	Kinh tế quốc tế	Khá	
38	030834180216	Lương Minh Tuyền	23/09/2000	Nữ	DH34KQ05	7.00	2.80	129	Kinh tế quốc tế	Khá	
39	030734180123	Trần Thị Thảo Vy	02/10/2000	Nữ	DH34LK02	6.48	2.59	129	Luật kinh tế	Khá	
40	030434180008	Quách Gia Bảo	09/10/2000	Nam	DH34AV01	6.95	2.78	134	Ngôn ngữ Anh	Khá	
41	030434180053	Nguyễn Đặng Hồng Hân	21/04/2000	Nữ	DH34AV01	6.37	2.55	134	Ngôn ngữ Anh	Khá	
42	030434180069	Lương Gia Huy	09/02/2000	Nam	DH34AV02	7.44	2.97	134	Ngôn ngữ Anh	Khá	
43	030434180130	Nguyễn Trọng Nhân	03/11/2000	Nam	DH34AV02	6.49	2.60	134	Ngôn ngữ Anh	Khá	
44	030434180157	Phan Thị Kiều Oanh	30/07/2000	Nữ	DH34AV03	7.28	2.91	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
45	030434180234	Huỳnh Thị Nhật Trinh	31/03/2000	Nữ	DH34AV04	6.88	2.75	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
46	030334180040	Phan Tấn Dũng	07/01/2000	Nam	DH34QT01	7.91	3.17	129	Quản trị kinh doanh	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
47	030134180450	Nguyễn Minh Tân	19/01/2000	Nam	DH34NH04	6.27	2.51	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
48	030134180492	Nguyễn Phan Nhật Thanh	28/05/2000	Nữ	DH34NH04	7.06	2.82	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
49	030134180620	Phạm Thị Tú Uyên	15/11/2000	Nữ	DH34NH05	6.60	2.64	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
50	030134180235	Huỳnh Nguyễn Khánh Linh	09/09/2000	Nam	DH34TC02	6.94	2.78	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
51	030134180268	Nguyễn Thành Luận	03/01/2000	Nam	DH34TC03	7.68	3.07	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
52	030235190006	Đào Thị Tiểu Băng	23/11/2001	Nữ	DH35DN01	7.92	3.17	130	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
53	030235190068	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/12/2001	Nam	DH35DN01	8.43	3.37	130	Hệ thống thông tin quản lý	Giỏi	
54	030235190129	Lê Tấn Tài	02/01/2001	Nam	DH35DN01	7.74	3.09	130	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
55	030235190170	Trần Nguyễn Phương Trinh	02/03/2001	Nữ	DH35DN01	7.93	3.17	130	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
56	030235190173	Nguyễn Nhật Trường	14/10/2001	Nam	DH35DN01	7.58	3.03	130	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
57	030235190176	Vũ Thị Thanh Tú	23/03/2001	Nữ	DH35DN01	7.73	3.09	130	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
58	030235190187	Lê Thị Tuyết Vân	28/06/2001	Nữ	DH35DN01	8.14	3.26	130	Hệ thống thông tin quản lý	Giỏi	
59	030235190057	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	11/04/2000	Nữ	DH35DN02	8.80	3.52	130	Hệ thống thông tin quản lý	Giỏi	
60	030235190062	Cam Mậu Khánh	06/11/2001	Nam	DH35DN02	7.61	3.04	130	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
61	030235190076	Lại Hồ Phước Lộc	26/08/2001	Nam	DH35DN02	7.59	3.04	130	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
62	030235190183	Đặng Ngọc Phương Uyên	22/03/2001	Nữ	DH35DN02	7.49	3.00	130	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
63	030235190058	Trần Thị Thu	Hường	20/10/2000	Nữ	DH35TM01	8.24	3.29	130	Hệ thống thông tin quản lý	Giỏi	
64	030235190077	Lê Ngọc Cẩm	Ly	01/08/2001	Nữ	DH35TM01	8.46	3.38	130	Hệ thống thông tin quản lý	Giỏi	
65	030235190138	Hoàng Văn Dạ	Thảo	01/09/2001	Nữ	DH35TM01	7.72	3.09	130	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
66	030235190188	Bùi Nguyễn Trúc	Vi	04/01/2001	Nữ	DH35TM01	7.61	3.04	130	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
67	030235190002	Võ Thị Ngọc	An	22/06/2000	Nữ	DH35TM02	7.62	3.05	130	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
68	030235190017	Nguyễn Thị	Dâng	13/07/2001	Nữ	DH35TM02	7.56	3.02	130	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
69	030235190164	Phan Nguyễn Bích	Trâm	04/12/2001	Nữ	DH35TM02	3.13	7.82	130	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
70	030235190177	Nguyễn Thanh	Tuyền	27/06/2001	Nữ	DH35TM02	8.11	3.25	130	Hệ thống thông tin quản lý	Giỏi	
71	030535190020	Nguyễn Hữu	Cảnh	13/03/2001	Nam	DH35KT01	7.36	2.94	130	Kế toán	Khá	
72	030535190070	Trần Thị Thu	Hiền	05/07/2001	Nữ	DH35KT02	7.83	3.13	130	Kế toán	Khá	
73	030535190101	Nguyễn Thị Kim	Liên	15/07/2001	Nữ	DH35KT02	8.34	3.34	130	Kế toán	Giỏi	
74	030535190160	Trương Nguyễn Yến	Nhi	01/06/2000	Nữ	DH35KT02	8.02	3.21	130	Kế toán	Giỏi	
75	030535190114	Bùi Hồng	Mai	26/10/2001	Nữ	DH35KT03	8.05	3.22	130	Kế toán	Giỏi	
76	030535190254	Trần Thụy Diễm	Trân	03/03/2001	Nữ	DH35KT03	7.51	3.00	130	Kế toán	Khá	
77	030535190242	Trần Ngọc Uyên	Trang	16/01/2001	Nữ	DH35KT03	7.20	2.88	130	Kế toán	Khá	
78	030535190255	Dương Thị Thu	Trinh	28/09/2001	Nữ	DH35KT03	7.29	2.92	130	Kế toán	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
79	030535190264	Nguyễn Gia Tuyên	21/10/2001	Nữ	DH35KT03	6.89	2.76	130	Kế toán	Khá	
80	030535190053	Hoàng Thị Nhật Hạ	09/06/2001	Nữ	DH35KT04	7.46	2.98	130	Kế toán	Khá	
81	030535190109	Nguyễn Thị Như Lua	07/10/2001	Nữ	DH35KT04	7.82	3.13	130	Kế toán	Khá	
82	030535190249	Vũ Thị Mai Trâm	01/09/2001	Nữ	DH35KT04	8.02	3.21	130	Kế toán	Giỏi	
83	030535190108	Phùng Thị Loan	05/07/2001	Nữ	DH35KT05	8.38	3.35	130	Kế toán	Giỏi	
84	030535190206	Võ Thị Dạ Thảo	23/07/2001	Nữ	DH35KT05	8.02	3.21	130	Kế toán	Giỏi	
85	030535190269	Lương Thị Tú Uyên	15/01/2001	Nữ	DH35KT05	7.26	2.90	130	Kế toán	Khá	
86	030535190285	Đặng Hải Yến	05/03/2001	Nữ	DH35KT05	7.76	3.10	130	Kế toán	Khá	
87	030835190096	Trần Quốc Khang	24/07/2001	Nam	DH35KQ01	7.29	2.91	130	Kinh tế quốc tế	Khá	
88	030835190221	Trương Văn Đức Thọ	20/10/2001	Nam	DH35KQ01	7.45	2.98	130	Kinh tế quốc tế	Khá	
89	030835190245	Phan Thị Đoan Trang	12/09/2001	Nữ	DH35KQ01	7.49	3.00	130	Kinh tế quốc tế	Khá	
90	030835190024	Phan Quang Danh	24/04/2001	Nam	DH35KQ02	6.71	2.69	130	Kinh tế quốc tế	Khá	
91	030835190112	Phạm Thùy Linh	10/08/2001	Nữ	DH35KQ02	7.90	3.16	130	Kinh tế quốc tế	Khá	
92	030835190141	Lê Thị Thúy Ngân	12/09/2001	Nữ	DH35KQ02	8.09	3.24	130	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
93	030835190155	Nguyễn Thanh Thảo Nguyên	18/10/2001	Nữ	DH35KQ02	7.71	3.08	130	Kinh tế quốc tế	Khá	
94	030835190183	Phan Lê Hồng Phúc	18/11/2001	Nữ	DH35KQ02	7.95	3.18	130	Kinh tế quốc tế	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
95	030835190198	Phạm Thị Như Quỳnh	16/06/2001	Nữ	DH35KQ02	8.51	3.40	130	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
96	030835190088	Trần Thị Mai Hương	07/06/2001	Nữ	DH35KQ03	8.28	3.31	130	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
97	030835190151	Trần Thị Kim Ngọc	15/11/2001	Nữ	DH35KQ04	8.19	3.28	130	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
98	030835190072	Hoàng Thị Hiền	09/02/2001	Nữ	DH35KQ05	7.42	2.97	130	Kinh tế quốc tế	Khá	
99	030835190119	Lê Đoàn Kiều Lợi	09/10/2001	Nữ	DH35KQ05	8.31	3.32	130	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
100	030835190144	Phạm Thu Ngân	24/05/2001	Nữ	DH35KQ05	7.71	3.08	130	Kinh tế quốc tế	Khá	
101	030835190267	Phan Sơn Tú	14/03/2001	Nam	DH35KQ05	7.29	2.92	131	Kinh tế quốc tế	Khá	
102	030735190025	Trần Thị Thùy Duyên	22/02/2001	Nữ	DH35LK01	8.13	3.25	130	Luật kinh tế	Giỏi	
103	030735190086	Nguyễn Chi Thảo Nguyên	08/05/2001	Nữ	DH35LK01	7.55	3.02	130	Luật kinh tế	Khá	
104	030735190091	Đào Thị Yến Như	21/10/2001	Nữ	DH35LK01	7.28	2.91	130	Luật kinh tế	Khá	
105	030735190078	Nguyễn Thị Bích Ngà	20/04/2001	Nữ	DH35LK02	8.26	3.30	130	Luật kinh tế	Giỏi	
106	030735190127	Nguyễn Thị Thủy	11/11/2001	Nữ	DH35LK02	7.29	2.92	130	Luật kinh tế	Khá	
107	030735190067	Nguyễn Lê Yến Linh	20/02/2001	Nữ	DH35LK03	7.95	3.18	130	Luật kinh tế	Khá	
108	030735190164	Hồ Khả Vy	25/12/2001	Nữ	DH35LK03	7.92	3.17	130	Luật kinh tế	Khá	
109	030735190172	Nguyễn Thị Hoàng Yến	01/05/2000	Nữ	DH35LK03	7.21	2.89	130	Luật kinh tế	Khá	
110	030435190108	Đặng Thị Búp Loan	27/10/2001	Nữ	DH35AV01	7.48	2.99	136	Ngôn ngữ Anh	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
111	030435190162	Phạm Nữ Hồng Phúc	13/09/2001	Nữ	DH35AV01	7.92	3.17	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
112	030435190235	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	06/11/2001	Nữ	DH35AV01	7.39	2.96	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
113	030435190040	Nguyễn Thị Thùy Dương	28/01/2001	Nữ	DH35AV02	7.99	3.19	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
114	030435190089	Trương Thị Bích Hường	22/06/2001	Nữ	DH35AV02	7.26	2.90	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
115	030435190144	Lê Thảo Nhi	03/04/2001	Nữ	DH35AV02	7.67	3.07	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
116	030435190190	Nguyễn Phương Thảo	15/01/2001	Nữ	DH35AV02	7.76	3.10	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
117	030435190103	Nguyễn Đặng Khánh Linh	25/09/2001	Nữ	DH35AV03	7.67	3.07	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
118	030435190270	Lâm Thị Như Ý	29/01/2001	Nữ	DH35AV03	8.02	3.21	135	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	
119	030435190055	Phạm Thị Thu Hà	28/07/2001	Nữ	DH35AV04	7.32	2.93	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
120	030435190070	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/07/1998	Nữ	DH35AV04	7.68	3.07	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
121	030435190080	Vũ Thị Huệ	22/04/2001	Nữ	DH35AV04	7.32	2.93	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
122	030435190167	Lê Thị Kim Phượng	03/04/2001	Nữ	DH35AV04	7.68	3.07	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
123	030435190177	Nguyễn Thị Như Quỳnh	20/08/2001	Nữ	DH35AV04	7.57	3.03	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
124	030435190204	Đỗ Mỹ Uyên Thuật	03/10/2001	Nữ	DH35AV04	7.49	2.99	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
125	030435190229	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	28/06/2001	Nữ	DH35AV04	7.95	3.18	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
126	030435190225	Nguyễn Thanh Trang	07/09/2001	Nữ	DH35AV04	8.02	3.21	135	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
127	030435190073	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	28/01/2001	Nữ	DH35AV05	7.65	3.06	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
128	030435190105	Nguyễn Thị Linh	01/09/2001	Nữ	DH35AV05	7.80	3.12	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
129	030435190124	Nguyễn Thị Thu Ngân	15/01/2001	Nữ	DH35AV05	7.91	3.16	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
130	030435190172	Nguyễn Thị Thúy Quyên	24/08/2001	Nữ	DH35AV05	7.24	2.90	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
131	030335190054	Nguyễn Thị Thu Hạnh	14/12/2001	Nữ	DH35MK02	7.84	3.13	130	Quản trị kinh doanh	Khá	
132	030335190175	Hoàng Ngọc Yến Nhi	13/08/2001	Nữ	DH35MK02	7.11	2.85	131	Quản trị kinh doanh	Khá	
133	030335190183	Nguyễn Thân Vân Nhi	10/09/2001	Nữ	DH35MK02	8.56	3.43	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	
134	030335190204	Trần Phát	29/10/2001	Nam	DH35MK02	7.35	2.94	131	Quản trị kinh doanh	Khá	
135	030335190261	Nguyễn Minh Thư	06/02/2001	Nữ	DH35MK02	8.06	3.23	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	
136	030335190079	Tạ Đoàn Quốc Huy	23/06/2001	Nam	DH35MK03	8.04	3.22	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	
137	030335190124	Trần Lâm Bảo Long	17/03/2001	Nam	DH35MK03	8.01	3.20	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	
138	030335190168	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	29/05/2001	Nữ	DH35MK03	7.70	3.08	130	Quản trị kinh doanh	Khá	
139	030335190170	Lê Thanh Nhân	17/10/2001	Nam	DH35MK03	7.90	3.16	130	Quản trị kinh doanh	Khá	
140	030335190285	Trần Ngọc Huyền Trang	30/10/2001	Nữ	DH35MK03	7.55	3.02	130	Quản trị kinh doanh	Khá	
141	030335190245	Nguyễn Thị Thu Thảo	22/09/2001	Nữ	DH35QT01	7.49	3.00	130	Quản trị kinh doanh	Khá	
142	030335190080	Vũ Quang Huy	18/07/2001	Nam	DH35QT02	6.81	2.72	130	Quản trị kinh doanh	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
143	030335190238	Cao Văn Thạch	07/10/2001	Nam	DH35QT02	8.09	3.24	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	
144	030335190192	Nguyễn Đặng Quỳnh Như	13/04/2001	Nữ	DH35QT03	7.75	3.10	130	Quản trị kinh doanh	Khá	
145	030135190290	Phạm Nguyên Châu Long	11/01/2001	Nữ	DH35NH02	7.59	3.04	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
146	030135190661	Nguyễn Kiều Trinh	07/11/2001	Nữ	DH35NH02	7.77	3.11	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
147	030135190688	Trương Thị Cẩm Tú	20/06/2001	Nữ	DH35NH02	7.41	2.96	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
148	030135190491	Trịnh Thế Sơn	24/08/2001	Nam	DH35NH03	7.35	2.94	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
149	030135190549	Nguyễn Ngọc Anh Thơ	11/04/2001	Nữ	DH35NH03	8.06	3.23	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
150	030135190654	Vũ Thị Bảo Trân	27/01/2001	Nữ	DH35NH03	7.35	2.94	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
151	030135190143	Võ Nhật Hào	29/01/2001	Nam	DH35NH04	7.83	3.13	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
152	030135190125	Huỳnh Thị Thu Hà	03/06/2001	Nữ	DH35NH05	6.97	2.79	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
153	030135190372	Nguyễn Phạm Hồng Ngọc	Tốt nghiệp	Nữ	DH35NH05	7.50	3.00	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
154	030135190442	Nguyễn Thị Hoàng Phi	30/11/2001	Nữ	DH35NH05	8.36	3.34	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
155	030135190726	Ngô Dương Tường Vĩ	29/07/2001	Nữ	DH35NH05	7.12	2.85	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
156	030135190206	Hồ Trọng Đức Huy	07/09/2001	Nam	DH35NH06	7.04	2.82	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
157	030135190352	Nguyễn Thị Ngân	16/11/2001	Nữ	DH35NH06	8.19	3.28	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
158	030135190348	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngân	16/04/2001	Nữ	DH35NH06	7.30	2.92	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
159	030135190395	Hoàng Thị Thanh Nhi	10/10/2001	Nữ	DH35NH06	7.41	2.96	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
160	030135190028	Trần Tuấn Anh	01/03/2001	Nam	DH35TC01	7.74	3.10	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
161	030135190140	Nguyễn Anh Hào	30/09/2001	Nam	DH35TC01	7.24	2.90	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
162	030135190278	Phạm Thị Thùy Linh	14/05/2001	Nữ	DH35TC01	6.70	2.68	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
163	030135190489	Nguyễn Thị Kim Sang	30/12/2001	Nữ	DH35TC01	8.40	3.36	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
164	030135190044	Lê Phú Bình	03/08/2001	Nam	DH35TC02	6.64	2.66	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
165	030135190350	Nguyễn Thị Hồng Ngân	26/05/2001	Nữ	DH35TC02	7.71	3.09	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
166	030135190414	Vũ Thị Nhi	03/04/2001	Nữ	DH35TC02	7.70	3.08	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
167	030135190117	Phạm Thanh Tâm Đức	23/10/2001	Nữ	DH35TC03	8.70	3.48	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
168	030135190072	Nguyễn Lê Phương Dung	13/02/2001	Nữ	DH35TC03	7.54	3.01	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
169	030135190244	Cao Thị Khuyên	17/06/2001	Nữ	DH35TC03	7.79	3.12	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
170	030135190521	Nguyễn Thị Thu Thảo	21/09/2001	Nữ	DH35TC03	7.51	3.00	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
171	030135190128	Nguyễn Thanh Hà	15/10/2001	Nữ	DH35TC04	8.29	3.32	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
172	030135190205	Chung Ngọc Thanh Huy	02/07/2001	Nam	DH35TC04	6.79	2.72	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
173	030135190420	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01/03/2001	Nữ	DH35TC04	7.84	3.13	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
174	030135190584	Trần Thị Hoài Thương	25/08/2001	Nữ	DH35TC04	7.78	3.11	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
175	030135190165	Đồng Thị Thu Hiền	25/06/2001	Nữ	DH35TC05	7.78	3.11	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
176	030135190763	Trần Thị Yến	12/12/2001	Nữ	DH35TC05	8.04	3.21	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
177	030135190135	Lê Thị Mỹ Hạnh	29/03/2001	Nữ	DH35TC06	8.00	3.20	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
178	030135190440	Nguyễn Văn Thuận Phát	12/07/2001	Nam	DH35TC06	7.09	2.83	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
179	030135190635	Lê Ngọc Trâm	14/01/2001	Nữ	DH35TC06	7.01	2.80	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
180	030135190649	Nguyễn Thị Huyền Trân	16/11/2001	Nữ	DH35TC06	7.15	2.86	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
181	030135190738	Nguyễn Thị Hà Vy	25/01/2001	Nữ	DH35TC06	6.76	2.71	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
182	030135190250	Trần Ái Lam	06/12/2001	Nữ	DH35TC07	7.73	3.09	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
183	030135190373	Thân Thị Minh Ngọc	12/10/2001	Nữ	DH35TC07	7.52	3.01	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
184	030135190473	Kiều Công Bảo Quyên	04/06/2001	Nữ	DH35TC07	8.86	3.55	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
185	030135190671	Đỗ Lê Thanh Trúc	29/09/2001	Nữ	DH35TC07	7.38	2.95	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
186	030135190692	Lê Quý Minh Tuấn	16/02/1999	Nam	DH35TC07	7.79	3.12	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
187	030536200288	Hồ Thị Quỳnh Châu	15/08/2002	Nữ	DH36KT02	8.49	3.40	125	Kế toán	Giỏi	
188	030536200207	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2002	Nữ	DH36KT02	7.91	3.16	125	Kế toán	Khá	
189	030536200027	Lê Thị Thùy Dương	01/09/2002	Nữ	DH36KT03	8.65	3.46	125	Kế toán	Giỏi	
190	030536200058	Võ Thị Thu Hiền	04/09/2002	Nữ	DH36KT03	7.80	3.12	125	Kế toán	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
191	030536200052	Mai Thu Hiền	30/10/2002	Nữ	DH36KT03	8.99	3.60	125	Kế toán	Xuất sắc	
192	030536200103	Trương Thị Châu Linh	07/04/2002	Nữ	DH36KT03	7.72	3.09	125	Kế toán	Khá	
193	030536200165	Phạm Thị Mỹ Tân	25/02/2002	Nữ	DH36KT04	8.45	3.38	125	Kế toán	Giỏi	
194	030536200289	Đỗ Thị Thúy Hà	01/01/2002	Nữ	DH36KT05	8.05	3.22	125	Kế toán	Giỏi	
195	030536200117	Hồ Thị Thảo My	05/09/2002	Nữ	DH36KT05	7.69	3.07	125	Kế toán	Khá	
196	030536200221	Nguyễn Thị Minh Trang	29/09/2002	Nữ	DH36KT06	8.02	3.21	125	Kế toán	Giỏi	
197	030536200244	Thái Thanh Trúc	01/05/2002	Nữ	DH36KT06	7.97	3.19	125	Kế toán	Khá	
198	030736200033	Đào Thị Hoa	23/04/2002	Nữ	DH36LK01	8.10	3.24	133	Luật kinh tế	Giỏi	
199	030736200045	Nguyễn Ngọc Hưng	17/06/2002	Nam	DH36LK01	7.43	2.97	133	Luật kinh tế	Khá	
200	030736200186	Nguyễn Thị Sáng	30/10/2001	Nữ	DH36LK02	8.17	3.27	133	Luật kinh tế	Giỏi	
201	030736200019	Lê Á Đông	12/12/2002	Nam	DH36LK03	7.20	2.88	133	Luật kinh tế	Khá	
202	030236200001	Đinh Lê Minh Anh	27/08/2002	Nữ	DH36TM02	8.44	3.38	122	Hệ thống thông tin quản lý	Giỏi	
203	030236200044	Dương Nguyễn Thanh Hà	03/10/2002	Nữ	DH36TM02	7.95	3.18	122	Hệ thống thông tin quản lý	Khá	
204	030836200056	Nguyễn Thị Thu Hồng	12/12/2002	Nữ	DH36KQ01	8.18	3.27	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
205	030836200076	Trương Thị Thùy Lan	15/08/2002	Nữ	DH36KQ01	8.57	3.43	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
206	030836200093	Tạ Thị Ly	03/10/2002	Nữ	DH36KQ01	8.52	3.41	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
207	030836200110	Tạ Thị Ngọc	29/01/2002	Nữ	DH36KQ01	8.30	3.32	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
208	030836200115	Phan Lê Thanh Nhã	10/08/2002	Nữ	DH36KQ01	8.32	3.33	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
209	030836200138	Nguyễn Thị Hồng Phượng	22/05/2002	Nữ	DH36KQ01	8.28	3.31	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
210	030836200146	Nguyễn Như Quỳnh	15/03/2002	Nữ	DH36KQ01	8.26	3.30	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
211	030836200206	Trần Thị Kim Thương	12/06/2002	Nữ	DH36KQ01	8.32	3.33	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
212	030836200193	Trần Thị Thủy	22/06/2002	Nữ	DH36KQ01	8.35	3.34	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
213	030836200231	Quách Tịnh Văn	20/11/2002	Nữ	DH36KQ01	8.74	3.50	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
214	030836200024	Nguyễn Thị Kiều Duyên	03/05/2002	Nữ	DH36KQ02	8.06	3.22	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
215	030836200043	Phạm Thị Thúy Hằng	16/06/2002	Nữ	DH36KQ02	7.96	3.18	122	Kinh tế quốc tế	Khá	
216	030836200267	Trần Dương Khánh Linh	01/04/2002	Nữ	DH36KQ02	8.20	3.28	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
217	030836200079	Mai Thị Tuyết Linh	12/03/2002	Nữ	DH36KQ02	8.13	3.25	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
218	030836200083	Phạm Thị Thùy Linh	26/10/2002	Nữ	DH36KQ02	7.98	3.19	122	Kinh tế quốc tế	Khá	
219	030836200270	Phạm Thị Phương Uyên	04/09/2001	Nữ	DH36KQ02	7.81	3.13	122	Kinh tế quốc tế	Khá	
220	030836200177	Nguyễn Thị Thu Thảo	24/05/2002	Nữ	DH36KQ02	8.38	3.35	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
221	030836200205	Phan Thảo Hoài Thương	03/10/2002	Nữ	DH36KQ02	8.40	3.36	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
222	030836200192	Nguyễn Thị Thu Thủy	25/03/2002	Nữ	DH36KQ02	7.84	3.14	122	Kinh tế quốc tế	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
223	030836200221	Nguyễn Nhã Trân	16/10/2002	Nữ	DH36KQ02	8.16	3.26	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
224	030836200256	Võ Thị Ngọc Yến	18/12/2002	Nữ	DH36KQ02	8.32	3.33	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
225	030836200220	Lê Hoàng Khánh Trân	10/09/2002	Nữ	DH36KQ03	8.02	3.21	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
226	030836200213	Nguyễn Thị Huyền Trang	13/09/2002	Nữ	DH36KQ03	8.29	3.32	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
227	030836200222	Lê Đức Trí	10/04/2002	Nam	DH36KQ04	7.25	2.90	122	Kinh tế quốc tế	Khá	
228	030836200227	Trần Thanh Trúc	27/11/2002	Nữ	DH36KQ04	8.09	3.24	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
229	030836200168	Nguyễn Thị Cát Tường	15/04/2002	Nữ	DH36KQ04	8.47	3.39	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
230	030836200234	Thạch Chí Vân	25/03/2002	Nữ	DH36KQ04	8.78	3.51	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
231	030836200092	Nguyễn Thị Lương	15/02/2002	Nữ	DH36KQ05	8.15	3.26	122	Kinh tế quốc tế	Giỏi	
232	030836200258	Quang Thị Huyền Thanh	25/05/2001	Nữ	DH36KQ05	7.80	3.12	122	Kinh tế quốc tế	Khá	
233	030836200254	Nguyễn Thị Mỹ Yến	21/07/2002	Nữ	DH36KQ05	7.67	3.07	122	Kinh tế quốc tế	Khá	
234	030436200032	Ngô Hoàng Duy	08/07/2002	Nam	DH36AV02	7.53	3.01	135	Ngôn ngữ Anh	Khá	
235	030336200360	Trần Hà Bảo Ngọc	22/10/2002	Nữ	DH36MK01	8.50	3.40	125	Quản trị kinh doanh	Giỏi	
236	030336200184	Nguyễn Hồng Yên Nhi	19/10/2002	Nữ	DH36MK01	8.49	3.39	125	Quản trị kinh doanh	Giỏi	
237	030336200188	Nguyễn Thị Yên Nhi	08/03/2002	Nữ	DH36MK02	8.87	3.55	125	Quản trị kinh doanh	Giỏi	
238	030336200214	Vũ Lê Phương	19/11/2002	Nữ	DH36MK04	8.26	3.30	125	Quản trị kinh doanh	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
239	030336200294	Phan Thị Thương	26/05/2002	Nữ	DH36MK04	8.35	3.34	125	Quản trị kinh doanh	Giỏi	
240	030336200070	Đặng Thị Hải Hậu	22/02/2001	Nữ	DH36QT01	7.40	2.96	125	Quản trị kinh doanh	Khá	
241	030136200727	Huỳnh Mai Phương Uyên	08/08/2002	Nữ	DH36NH01	7.53	3.01	133	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
242	030136200593	Nguyễn Bùi Hiếu Thảo	25/07/2002	Nữ	DH36NH02	7.52	3.01	133	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
243	030136200212	Nguyễn Đức Hoàng	24/06/2002	Nam	DH36NH04	7.65	3.06	133	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
244	030136200691	Võ Ngọc Quỳnh Trâm	28/09/2002	Nữ	DH36NH05	8.23	3.29	133	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
245	030136200020	Nguyễn Mai Anh	18/11/2002	Nữ	DH36NH06	7.40	2.96	133	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
246	030136200049	Võ Thái Bảo	15/06/2002	Nam	DH36NH06	7.37	2.95	133	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
247	030136200082	Phạm Hoàng Bảo Doanh	15/03/2002	Nam	DH36NH06	8.20	3.28	133	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
248	030136200745	Hoàng Nguyễn Y Vân	23/10/2002	Nữ	DH36NH06	8.12	3.25	133	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
249	030136200054	Ao Thị Thanh Bình	12/04/2002	Nữ	DH36TC01	7.78	3.11	133	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
250	030136200652	Lê Võ Hoài Thương	28/08/2002	Nữ	DH36TC01	8.33	3.33	133	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
251	030136200699	Nguyễn Thị Thảo Trân	16/10/2002	Nữ	DH36TC02	8.52	3.41	133	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
252	030136200660	Đào Phương Trang	29/08/2002	Nữ	DH36TC02	8.22	3.29	133	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
253	030136200163	Nguyễn Thị Thúy Hằng	24/04/2002	Nữ	DH36TC03	8.35	3.34	133	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
254	030136200436	Nguyễn Thị Nhi	10/03/2002	Nữ	DH36TC03	7.53	3.01	133	Tài chính - Ngân hàng	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
255	030136200757	Trương Quang Vinh	28/05/2002	Nam	DH36TC03	8.41	3.36	133	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
256	030136200061	Hà Văn Côi	18/04/2001	Nam	DH36TC04	7.87	3.15	133	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
257	030136200127	Nguyễn Thị Hồng Gấm	25/06/2002	Nữ	DH36TC04	8.12	3.25	133	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
258	030136200266	Nguyễn Hồ Anh Khoa	12/12/2002	Nam	DH36TC04	8.12	3.25	133	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
259	030136200438	Nguyễn Thị Yến Nhi	12/06/2002	Nữ	DH36TC05	7.64	3.06	133	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
260	030136200714	Trịnh Diễm Trinh	10/04/2002	Nữ	DH36TC05	8.27	3.31	133	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
261	030136200747	Thái Thị Cẩm Vân	16/03/2002	Nữ	DH36TC05	8.01	3.20	133	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
262	030136200576	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	16/12/2002	Nữ	DH36TC06	7.79	3.12	133	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
263	030136200661	Đào Thị Thu Trang	08/01/2002	Nữ	DH36TC07	8.10	3.24	133	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	

Tổng: 263 sinh viên ./.



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH THỨ 2
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 10 NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3030/QĐ-ĐHNH, ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
1	030335190277	Nguyễn Thanh Toàn	10/04/2001	Nam	DH35MK01	7.43	2.97	131	Kinh tế quốc tế	Khá	

Tổng: 01 sinh viên ./.